

Số: 8109/BYT-KHTC

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2026

V/v hướng dẫn nguồn kinh phí và
lựa chọn đơn vị thực hiện khám
sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc
miễn phí cho người dân.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

Thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Công văn số 1129/TTg-KGVX ngày 16/9/2026 về triển khai Chỉ thị số 17/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về khám sức khỏe cho người dân và trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 14394/BTC-KTN ngày 14/9/2026 và Công văn số 16758/BTC-HCSN ngày 20/10/2026, ý kiến của một số đơn vị địa phương phản ánh một số khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc (KSKĐK, KSL). Bộ Y tế hướng dẫn về nguồn kinh phí, giá dịch vụ và lựa chọn đơn vị thực hiện miễn phí cho người dân như sau:

1. Nguồn kinh phí

Việc xác định nguồn kinh phí thực hiện theo Điều 72 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ (Nghị định 165), được thực hiện theo lộ trình, đồng thời phân định trách nhiệm tổ chức và nguồn chi trả đối với từng nhóm đối tượng tại Điều 69, Điều 70 của Nghị định, thực hiện theo nhóm đối tượng như sau:

1.1. Nhóm đối tượng do ngân sách nhà nước chi trả, phải lập dự toán, thanh toán và quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (quy định tại điểm a và điểm d khoản 2 Điều 69 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP)

Việc lập, phân bổ, giao, điều chỉnh dự toán, thanh toán và quyết toán thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, Nghị định số 73/2026/NĐ-CP, Thông tư số 26/2026/TT-BTC và các văn bản có liên quan. Bộ Y tế đã hướng dẫn lập dự toán chi ngân sách nhà nước để triển khai KSKĐK, KSL miễn phí cho người dân tại Công văn số 4499/BYT-KHTC ngày 18/6/2026.

Trong năm 2026, ưu tiên tổ chức khám cho nhóm đối tượng tại điểm a¹; việc tổ chức khám cho nhóm đối tượng tại điểm d² căn cứ khả năng cân đối ngân sách và nguồn huy động hợp pháp theo khoản 1 Điều 70 Nghị định số 165.

1.2. Nhóm đối tượng tiếp tục thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành

¹ Người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có công, người mắc bệnh mạn tính, người sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, xã đảo, đặc khu và không thuộc quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 69 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP.

² Các đối tượng không thuộc quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 69 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP.

Nhóm đối tượng đã được quy định và bố trí kinh phí trước thời điểm Nghị định 165/2026/NĐ-CP có hiệu lực, theo quy định tại khoản 2 Điều 69 và khoản 2, khoản 3 Điều 72 Nghị định 165/2026/NĐ-CP: các nhóm đối tượng đã xác định trách nhiệm chi trả của chủ thể khác thì tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành và không phải thực hiện lập dự toán để bổ sung dự toán NSNN gồm:

1.2.1. Đối với trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong cơ sở giáo dục phổ thông

Thực hiện kiểm tra sức khỏe đầu năm học theo quy định của pháp luật về công tác y tế trường học. Kinh phí cho hoạt động kiểm tra sức khỏe đầu năm học đối với trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong cơ sở giáo dục phổ thông được bố trí theo quy định của pháp luật về công tác y tế trường học (khoản 2 Điều 72 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP).

- **Trước ngày 29/8/2026** (thời điểm Thông tư số 33/2026/TT-BYT có hiệu lực), địa phương tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông **sử dụng nguồn kinh phí theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDDT** ngày 12/5/2016 quy định về công tác y tế trường học³.

- **Từ ngày 29/8/2026**, các nội dung kiểm tra sức khỏe đầu năm học cho trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông được thực hiện theo Thông tư số 33/2026/TT-BYT ngày 29/8/2026⁴ (Điều 3, Điều 4, Điều 5 Chương II về kiểm tra sức khỏe đầu năm học cho người học trong các cơ sở giáo dục).

Trước ngày Thông tư số 33/2026/TT-BYT có hiệu lực, trường hợp địa phương tổ chức khám sức khỏe định kỳ vào đầu năm học cho trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 25/2026/TT-BYT thì không thực hiện kiểm tra sức khỏe đầu năm học.

1.2.2. Đối với người lao động

Người sử dụng lao động có trách nhiệm chi trả theo quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động. Nguồn kinh phí để thực hiện đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự

³ Nguồn kinh phí thực hiện công tác y tế trường học gồm: (1) *Nguồn kinh phí sự nghiệp y tế, giáo dục và đào tạo hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành của các đơn vị*; (2) *Nguồn bảo hiểm y tế học sinh theo quy định hiện hành*; (3) *Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và các nguồn thu hợp pháp khác* (Điều 3 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDDT ngày 12/5/2016).

⁴ Nguồn kinh phí thực hiện kiểm tra sức khỏe đầu năm học gồm: (1) *Nguồn kinh phí sự nghiệp y tế, giáo dục và đào tạo hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành của các đơn vị*; (2) *Nguồn từ Quỹ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế*; (3) *Nguồn hỗ trợ từ Quỹ Phòng bệnh*; (4) *Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và các nguồn thu hợp pháp khác* (Điều 5 Thông tư số 33/2026/TT-BYT).

ngiệp công lập đã được bố trí trong dự toán chi đầu năm. Nguồn kinh phí để thực hiện đối với người lao động tại doanh nghiệp do doanh nghiệp bố trí (Điều 21 Luật An toàn vệ sinh lao động).

1.2.3. Đối với đối tượng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý: tổ chức KSKĐK, KSL miễn phí bằng kinh phí của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

1.3. Nguồn Quỹ bảo hiểm y tế

Nguồn Quỹ BHYT thực hiện đúng đối tượng, phạm vi, điều kiện và lộ trình theo khoản 4 Điều 72 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP và pháp luật về bảo hiểm y tế.

Tuy nhiên, hiện nay, Bộ Y tế đang xây dựng dự thảo Thông tư quy định thanh toán chi phí khám sức khỏe định kỳ cho các đối tượng thuộc phạm vi chi trả của Quỹ Bảo hiểm y tế. Do vậy, việc thanh toán chi phí KSKĐK, KSL miễn phí từ quỹ BHYT sẽ thực hiện khi có văn bản của Bộ Y tế quy định và hướng dẫn cụ thể.

1.4. Về bố trí ngân sách trung ương và địa phương

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chủ động bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp theo đúng trách nhiệm, phạm vi chi và phân cấp ngân sách; xác định rõ nguồn kinh phí đối với từng nhóm đối tượng, nội dung khám.

Trường hợp địa phương đã bố trí, huy động các nguồn lực nhưng chưa đủ khả năng cân đối ngân sách địa phương, tổng hợp nhu cầu trong dự toán ngân sách và đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ theo quy định (điểm d khoản 1 Công văn 1129/TTg-KGVX của Thủ tướng Chính phủ).

2. Phương thức thực hiện

Theo Điều 74 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP, KSKĐK được thực hiện tại trạm y tế cấp xã, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi người dân đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác theo quy định. Trường hợp trạm y tế cấp xã không đủ điều kiện KSKĐK theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn chủ động phối hợp, hỗ trợ chuyên môn hoặc chọn trạm y tế cấp xã làm **địa điểm khám sức khỏe lưu động** theo quy định; hoặc giao cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi người dân đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác **đủ điều kiện** thực hiện (Điều 74 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP).

Dịch vụ khám sức khỏe định kỳ là **dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước**⁵; do vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố căn cứ quy định của pháp luật, nguồn kinh phí và điều kiện thực tế của địa phương để lựa chọn phương thức phù hợp; tổ chức thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; bảo đảm tiến độ, chất lượng, tiết kiệm và hiệu quả.

2.1. Phương thức giao nhiệm vụ: việc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ KSKĐK, KSL miễn phí thực hiện theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP; cụ thể:

2.1.1. Thẩm quyền giao nhiệm vụ

⁵ mục III Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ.

Theo khoản 2 Điều 7 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền quyết định giao nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc từ nguồn ngân sách địa phương.

2.1.2. Điều kiện giao nhiệm vụ

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 9 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền) chỉ quyết định giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ KSKĐK, KSL sử dụng nguồn ngân sách nhà nước đối với trạm y tế đủ điều kiện khám sức khỏe định kỳ theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

2.1.3. *Căn cứ, nội dung, hình thức giao nhiệm vụ:* thực hiện theo Điều 10 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2.2. Phương thức đặt hàng: thực hiện theo Điều 12, Điều 13, Điều 13a, Điều 14 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

2.2.1. Thẩm quyền đặt hàng

Theo khoản 2 Điều 7 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền quyết định đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; quyết định đặt hàng (hoặc giao nhiệm vụ trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định) đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác (nhà cung cấp dịch vụ công khác quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP).

2.2.2. Điều kiện đặt hàng

Điều kiện đặt hàng thực hiện theo khoản 1 Điều 143 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và phải đáp ứng đủ điều kiện khám sức khỏe định kỳ theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền) quyết định đặt hàng cung cấp dịch vụ KSKĐK, KSL sử dụng nguồn ngân sách nhà nước đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hoặc đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác cung cấp dịch vụ KSKĐK gồm:

(1) Đơn vị sự nghiệp công lập không trực thuộc cơ quan được giao kinh phí để đặt hàng, gồm: cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến tỉnh, thành phố; bệnh viện thuộc Bộ, ngành đóng trên địa bàn và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập khác đủ điều kiện;

(2) Tổ chức, cá nhân hành nghề độc lập, đã đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, có chức năng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công phù hợp với yêu cầu của Nhà nước, gồm: cơ sở y tế tư nhân và các cơ sở y tế khác đủ điều kiện.

2.2.3. *Quy trình, hình thức thực hiện đặt hàng:* thực hiện theo khoản 2 Điều 143 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

a) Đơn giá, giá đặt hàng được xác định, ban hành đúng thẩm quyền theo pháp luật về giá và pháp luật liên quan. Từ ngày 09/9/2026, trường hợp nhiệm vụ đặt hàng cấp bách cần triển khai ngay nhưng đang chờ ban hành đơn giá, giá đặt hàng, thực hiện cơ chế ký hợp đồng tối đa bằng 90% giá trị đặt hàng tính theo giá thực hiện năm gần nhất hoặc 90% dự toán được cấp có thẩm quyền giao đối với lần đầu thực hiện, theo điểm d khoản 3 Điều 14 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP được sửa đổi tại Điều 22 Nghị định số 349/2026/NĐ-CP. Khi có giá, phải điều chỉnh hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý và xử lý chênh lệch theo quy định; đây không phải cơ chế thanh toán khoán 90% dự toán.

b) Hình thức thực hiện:

- Đặt hàng đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc: cơ quan quản lý cấp trên ban hành quyết định đặt hàng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (theo Mẫu số 01 kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP).

- Đặt hàng đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác: ký hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (theo Mẫu số 03 kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP).

Hợp đồng đặt hàng phải quy định cụ thể: sản phẩm, dịch vụ; khối lượng; tiêu chuẩn chất lượng; giá, giá trị hợp đồng; tiến độ; trách nhiệm cập nhật dữ liệu; kiểm tra, giám sát; nghiệm thu; thanh toán; bảo mật thông tin và xử lý vi phạm.

2.3. Phương thức lựa chọn nhà thầu theo các hình thức quy định tại Luật Đấu thầu

2.3.1. Cơ sở pháp lý

Theo quy định tại khoản 3 Điều 143 Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 16 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP: “Đối với dịch vụ sự nghiệp công đáp ứng điều kiện đặt hàng theo quy định tại Nghị định này mà cơ quan đặt hàng quyết định không áp dụng hình thức này thì được áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu khác theo quy định của pháp luật về đấu thầu.”

Hiện nay, pháp luật về đấu thầu đã phân cấp, phân quyền, trao quyền tự quyết cho chủ đầu tư⁶ trong việc quyết định hình thức lựa chọn nhà thầu. Do đó, việc quyết định hình thức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ KSKĐK, KSL miễn phí cho người dân thuộc thẩm quyền của chủ đầu tư.

2.3.2. Nguyên tắc áp dụng

⁶ Khoản 2 Điều 4 Luật Đấu thầu: “Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức sở hữu vốn, vay vốn hoặc được giao trực tiếp quản lý, sử dụng vốn, quản lý quá trình thực hiện dự án; đơn vị sử dụng ngân sách; đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng dự toán mua sắm ngoài ngân sách nhà nước; đơn vị mua sắm tập trung”. Do vậy, chủ đầu tư là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh/Trạm Y tế cấp xã được giao dự toán và tổ chức triển khai KSKĐK.

Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ KSKĐK, KSL miễn phí cho người dân, chủ đầu tư căn cứ quy mô, tính chất và tiến độ của gói thầu để quyết định áp dụng **một trong các hình thức** lựa chọn nhà thầu sau: “a) *Đấu thầu rộng rãi*; b) *Chỉ định thầu*; c) *Chào hàng cạnh tranh*; d) *Tự thực hiện*; đ) *Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt*”.

Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu thực hiện theo Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15); Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 349/2026/NĐ-CP); Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 và Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09/9/2026 của Bộ Tài chính. Đề nghị lưu ý một số nội dung khi thực hiện chỉ định thầu và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt như sau:

2.3.3. Áp dụng chỉ định thầu

a) Cơ sở pháp lý, điều kiện thực hiện

- Trường hợp cần đẩy nhanh việc lựa chọn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện KSKĐK để bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả của gói thầu, chủ đầu tư được áp dụng hình thức chỉ định thầu theo điểm g khoản 2 Điều 78 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 349/2026/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 09/9/2026).

- Trường hợp gói thầu lựa chọn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện KSKĐK có giá không quá 01 tỷ đồng, chủ đầu tư được áp dụng hình thức chỉ định thầu theo khoản 4 Điều 78 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 349/2026/NĐ-CP).

- Việc chỉ định thầu phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

b) Quy trình thực hiện: theo quy trình chỉ định thầu rút gọn quy định tại khoản 3 Điều 80 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 349/2026/NĐ-CP).

2.3.4. Áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt

a) Cơ sở pháp lý, điều kiện thực hiện

Khoản 5 Điều 7 Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 (sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu) **đã bổ sung “Gói thầu cung cấp dịch vụ KSKĐK, KSL miễn phí cho người dân”** (điểm t3) vào danh mục các gói thầu áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt. Theo đó, chủ đầu tư được áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 349/2026/NĐ-CP để kịp thời lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu cung cấp dịch vụ KSKĐK, KSL miễn phí cho người dân.

b) Quy trình thực hiện: theo khoản 1 Điều 85 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 8 và điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định số 349/2026/NĐ-CP). Theo đó, chủ đầu tư chịu trách nhiệm ký kết hợp đồng với nhà

thầu được lựa chọn; hợp đồng phải có đầy đủ nội dung về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được và giá trị hợp đồng. Việc ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo Điều 34 và Điều 35 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 Nghị định số 349/2026/NĐ-CP).

2.4. Mốc áp dụng và xử lý nhiệm vụ đã triển khai năm 2026

Nghị định số 165/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/7/2026; Nghị định số 349/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 09/9/2026. Việc xác định quy định áp dụng phải căn cứ thời điểm thực hiện, tình trạng hồ sơ và quy định chuyển tiếp, không căn cứ ngày ban hành Công văn này để yêu cầu làm lại các thủ tục đã thực hiện đúng quy định.

a) Đã có quyết định đặt hàng, ký hợp đồng đặt hàng trước ngày 09/9/2026: tiếp tục thực hiện theo quy định trước thời điểm Nghị định số 349/2026/NĐ-CP có hiệu lực cho đến khi hoàn thành thanh toán, quyết toán, theo điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị định này.

b) Đã được giao dự toán ngân sách năm 2026, gồm dự toán năm trước chuyển nguồn và dự toán bổ sung năm 2026, nhưng chưa có quyết định đặt hàng, chưa ký hợp đồng đặt hàng: cơ quan đặt hàng được quyết định áp dụng quy định trước hoặc sau khi được sửa đổi tại Nghị định số 349/2026/NĐ-CP theo điểm b khoản 1 Điều 27. Quyền lựa chọn này áp dụng đối với đặt hàng thuộc phạm vi điều khoản chuyển tiếp, không mở rộng thành quyền miễn thủ tục cho mọi phương thức.

c) Đã phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu hoặc gửi dự thảo hợp đồng chỉ định thầu rút gọn trước ngày 09/9/2026: tiếp tục thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị định số 349/2026/NĐ-CP. Nếu mới phê duyệt kế hoạch nhưng chưa phát hành các hồ sơ nêu trên, có nội dung không phù hợp quy định mới thì được điều chỉnh kế hoạch theo điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị định số 349/2026/NĐ-CP.

d) Đối với khối lượng đã thực hiện theo quyết định giao nhiệm vụ, quyết định đặt hàng hoặc hợp đồng được ban hành, ký kết đúng quy định tại thời điểm thực hiện: tiếp tục nghiệm thu, thanh toán, quyết toán theo căn cứ pháp lý và hồ sơ tương ứng; không yêu cầu chuyển sang phương thức khác hoặc lựa chọn lại đơn vị chỉ do có hướng dẫn này. Phần khối lượng phát sinh ngoài phạm vi nhiệm vụ, hợp đồng đã được phê duyệt phải được xem xét, quyết định theo quy định áp dụng đối với phần phát sinh.

đ) Trường hợp đã tổ chức khám nhưng hồ sơ còn thiếu hoặc có vướng mắc về thẩm quyền, phương thức thực hiện: Sở Y tế phối hợp Sở Tài chính rà soát từng trường hợp, xác định thời điểm, văn bản chỉ đạo, quyết định giao dự toán, hồ sơ chuyên môn và khối lượng thực tế để xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền. Không dùng quy định mới làm căn cứ áp dụng trở về trước để hợp thức hóa hồ sơ; không yêu cầu làm lại toàn bộ thủ tục đối với phần đã thực hiện hợp pháp. Vướng mắc vượt thẩm quyền gửi Bộ Y tế đề phối hợp Bộ Tài chính hướng dẫn hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền.

3. Một số nội dung về giá dịch vụ, thanh toán, quyết toán và tổ chức thực hiện

3.1. Về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh làm căn cứ lập dự toán

- Theo khoản 1 Điều 73 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP, giá dịch vụ làm căn cứ lập dự toán là giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế của **cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi dự kiến thực hiện khám**. Trường hợp lựa chọn nhiều cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác nhau thì giá làm căn cứ lập dự toán được xác định tương ứng với **cơ sở dự kiến thực hiện dịch vụ** và phạm vi dịch vụ được thực hiện tại cơ sở đó.

- Mức giá thanh toán, quyết toán chi phí KSKĐK thực hiện theo thẩm quyền và quy trình của từng phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện KSKĐK (giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu).

- Đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh chưa có giá để làm cơ sở lập dự toán: báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định tại Điều 110 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

3.2. Về khó khăn, vướng mắc liên quan đến nội dung, mức chi khi triển khai KSKĐK, KSL miễn phí cho người dân

Một số địa phương có phản ánh hiện chưa có quy định về nội dung, mức chi phục vụ khám sức khỏe định kỳ như chi in phiếu, thu thập thông tin, rà soát danh sách, nhập liệu, tuyên truyền, vận động và phục vụ điểm khám; Bộ Y tế đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính rà soát từng khoản chi, phân biệt chi phí đã kết cấu trong giá dịch vụ, nhiệm vụ thường xuyên đã được bảo đảm kinh phí và khoản chi cần thiết phát sinh để tổ chức khám.

- Đối với nội dung đã có quy định: thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và thẩm quyền hiện hành.

- Đối với các nội dung nhiệm vụ thực hiện theo phương thức mua sắm, thuê dịch vụ: lập dự toán theo nhiệm vụ, khối lượng và căn cứ xác định giá hợp pháp, lựa chọn nhà cung cấp theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, không đề xuất ban hành chế độ hỗ trợ hoặc mức chi mới.

- Đối với nội dung thuộc thẩm quyền địa phương: Sở Y tế phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định.

- Trường hợp qua rà soát xác định chưa có quy định về nội dung, mức chi và cần hướng dẫn của Trung ương: đề nghị thuyết minh cụ thể sự cần thiết, cơ sở đề xuất mức chi gửi Bộ Y tế để tổng hợp gửi Bộ Tài chính theo hướng dẫn tại điểm b khoản 5 Điều 88 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP.

3.3. Thanh toán, quyết toán

Căn cứ nhiệm vụ hoặc hợp đồng hợp pháp, khối lượng và chất lượng thực tế được nghiệm thu, mức giá hoặc dự toán được phê duyệt theo phương thức thực hiện, trong phạm vi kinh phí được giao. Hồ sơ kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước thực hiện theo Nghị định số 347/2025/NĐ-CP và văn bản liên quan.

Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo Sở Y tế, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan triển khai thống nhất, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm tiến độ, chất lượng khám và không gián đoạn nhiệm vụ đã được triển khai đúng quy định. Thực hiện rà soát, kế thừa kết quả khám còn giá trị chuyên môn, đối soát theo mã định danh cá nhân, cập nhật Sổ sức khỏe điện tử, tránh khám và thanh toán trùng; báo cáo kết quả hằng tháng về Bộ Y tế theo Công văn số 1129/TTg-KGVX.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố rà soát, tổng hợp và gửi Bộ Y tế để phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu, hướng dẫn hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính (để biết);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng (để b/c);
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố;
- VP Đảng ủy (để b/c);
- Cục: QL KCB, PB; Vụ: BHYT, PC;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Đức Luận